SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA NÔNG CỐNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 629/QĐ-TĐT-BVNC

Nông Cống, ngày 28 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Dự toán mua sắm: Mua sắm bổ sung hoá chất, vật tư y tế lần 3 tại Bệnh viện Đa khoa Nông Cống năm 2026.

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA NÔNG CỐNG

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025;

Căn cứ Nghị định 214/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính: Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/09/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 625/QĐ-TĐT-BVNC ngày 27/10/2026 của Bệnh viện đa khoa Nông Cống về việc phê duyệt dự toán mua sắm: Mua sắm bổ sung hoá chất, vật tư y tế lần 3 tại Bệnh viện Đa khoa Nông Cống năm 2026;

Xét đề nghị của Hội đồng mua sắm tại Tờ trình số 628/TTr-TĐT-BVNC ngày 28/10/2026

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm bổ sung hoá chất, vật tư y tế lần 3 tại Bệnh viện Đa khoa Nông Cống năm 2026 với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Scanned with CamScanner

Điều 2. Hội đồng mua sắm chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành các bước tiếp theo theo đúng quy định hiện hành của Pháp luật.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Hội đồng mua sắm, các khoa, phòng ban, chức năng của Bệnh viện đa khoa Nông Cống và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 QĐ;
- Lưu VT, HSMS.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA NÔNG CỐNG

Nguyễn Văn Tuấn

Scanned with CamScanner

BẢNG CHI TIẾT PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự toán mua sắm: Mua sắm bổ sung hoá chất, vật tư y tế lần 3 tại Bệnh viện Đa khoa Nông Cống năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 629/QĐ-TĐT-BVNC ngày 29/10/2026 của Bệnh viện đa khoa Nông Cống)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện Đa khoa Nông Cống	Mua sắm bổ sung hoá chất, vật tư y tế lần 3 tại Bệnh viện Đa khoa Nông Cống năm 2026	Cung cấp hoá chất, vật tư	**344.859.348**	Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác	Chào giá trực tuyến rút gọn	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	30 ngày	Quý IV/2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	06 tháng	Không
	Tổng cộng			**344.859.348**								

Ghi chú:

+ Gói thầu: Mua sắm bổ sung hoá chất, vật tư y tế lần 3 tại Bệnh viện Đa khoa Nông Cống năm 2026 Gồm 17 mặt hàng được chia thành 04 phần/lô *(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

Scanned with CamScanner

BẢNG DANH MỤC HÀNG HÓA CHIA PHẦN/LÔ

Dự toán mua sắm: Mua sắm bổ sung hoá chất, vật tư y tế lần 3 tại Bệnh viện Đa khoa Nông Cống năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 629/QĐ-TĐT-BVNC ngày 29/10/2026 của Bệnh viện đa khoa Nông Cống)

STT phần	Tên mặt hàng	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền
I. Vật tư, Sinh phẩm chẩn đoán						
1	Ống nghiệm nhựa có nắp 5ml	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PS, kích thước 12x75mm, nắp trắng, mới 100%	ống	50,000	480	24,000,000
2	Que đè lưỡi gỗ	- Que đè lưỡi gỗ: Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. Gỗ được hấp chín trước khi đưa vào sản xuất và sấy khô, đánh bóng khi ra thành phẩm nên đạt độ cứng, nhẵn cao, an toàn trong sử dụng. - Tổng số nấm men + mốc< 2.0 x 10^1 CFU/g; vi khuẩn hiếu khí < 2.0 x 10^1 CFU/g - Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	1,000	390	390,000

Scanned with CamScanner

3	Test nhanh chuẩn đoán sốt xuất huyết	Xét nghiệm nhanh kháng nguyên sốt xuất huyết NS1 Được sử dụng để phát hiện định tính kháng nguyên sốt xuất huyết NS1 trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần để hỗ trợ chẩn đoán nhiễm virus sốt xuất huyết. Thành phần: Tấm mẫu, miếng đệm liên hợp vàng keo, màng nitrocellulose, miếng thấm hút, tấm PVC. Miếng đệm liên hợp vàng keo được dán nhãn kháng thể Dengue NS1 1, màng nitrocellulose phủ kháng thể sốt xuất huyết NS1 2. Chất pha loãng mẫu: Dung dịch đệm chứa phốt phát. Ống hút nhựa dùng một lần (tùy chọn). - Độ nhạy tương đối: 97,92% - Độ đặc hiệu tương đối: 99,02% - Độ chính xác: 98,67% Tính đặc hiệu phân tích - Chất gây nhiễu: 1000µmol/L bilirubin, 5.65mmol/L triglyceride, 6.5g/L hemoglobin Hemoglobin không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm - Bộ thử không bị ảnh hưởng bởi kháng thể kháng nhân và kháng thể kháng ty thể. - Phản ứng chéo: Khi thử với kháng thể HBV, HAV, HCV, HIV không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm.	Test	100	37,500	3,750,000
4	Filter lọc khuẩn	Filter dùng cho máy đo chức năng hô hấp: - Trụ lọc bằng nhựa ABS - Phin lọc: cotton tĩnh điện - Tiệt trùng bằng khí EO - Mức thoát độ ẩm cao (>33mgH2O/L) - Hiệu quả lọc khuẩn và virus: 99,9999% - Đóng gói riêng lẻ.	Cái	3,000	19,450	58,350,000
5	Hộp chống sốc	Hộp inox y tế có nắp dùng để bảo quản dụng cụ y tế - Chất liệu: Inox không gỉ - Kiểu dáng: Hộp chữ nhật kích thước 22 x 12 x 5 cm - Bề mặt : Inox sáng/bóng	Cái	1	120,000	120,000

Scanned with CamScanner

6	Gạc mỡ chống dính	- Gạc lưới thông thoáng và linh hoạt được cấu tạo bởi các mắt lưới polyester có tẩm các hạt hydrocolloid phân tán trong sáp dầu khoáng (petroleum jelly). Sản phẩm chứa hydrocolloid (carboxymethylcellulose), dầu parafin, sáp dầu khoáng và các dẫn xuất polymer - Kích thước: 10 x 10 cm	Miếng	1,000	50,000	50,000,000
II. Vật tư cho máy phát tia Plasma lạnh						
1	Vật tư tiêu hao sử dụng cho máy phát tia Plasma lạnh hỗ trợ điều trị vết thương	Khí được sản xuất từ thành phần chính là khí Argon độ tinh khiết ≥ 99,9999%. Thành phần vết các hợp chất được kiểm soát là: $H_2O \leq 0.2$ppm; $O_2 \leq 0.2$ ppm; $N_2 \leq 0.5$ ppm; CO_2 và $CO \leq 0.1$ ppm. Dùng cho Máy Plasma lạnh hỗ trợ điều trị vết thương. * Bình chứa: - Bình hợp kim nhôm dung tích ≥ 8 lít - Kích thước bao gồm quai xách: 160 x 700 (mm) (±5%) - Áp suất an toàn của bình chứa: ≥ 225 Bar - Áp suất khí nén khi đầy: 130Bar (±5%)	bình	30	3,000,000	90,000,000
III. Dung dịch bảo vệ thiết bị đặt trong mạch máu						
1	Dung dịch bảo quản catheter	(Cyclo)-Taurolidine và Citrate 4%, Heparin 500UI/ml	lọ	50	295,000	14,750,000
IV. Hoá chất dùng cho máy sinh hoá BS-620M, BS800-BS2000						

Scanned with CamScanner

1	ALT	Để xác định định lượng hoạt tính Alanine Aminotransferase trong huyết thanh và huyết tương trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro. Phương pháp đo: IFCC Method mà không có hoạt hóa pyridoxal phosphate Dải tuyến tính: 4-1000 U/L Thành phần gồm: Hóa chất R1: - Tris-buffer: 150 mmol/L - L-Alanine: 750 mmol/L - LDH ≥1200 U/L - NADH: 0.4 mmol/L Hóa chất R2: - α-Oxoglutarate: 90 mmol/L - NADH: 0.9 mmol/L	ml	876	10,700	9,373,200
2	AST	Thuốc thử AST dùng để xác định định lượng hoạt độ AST trong huyết thanh hoặc huyết tương trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro. Phương pháp đo: IFCC method mà không có hoạt hóa pyridoxal phosphate Dải tuyến tính: 4-800 U/L Thành phần gồm: Hóa chất R1: - Tris Buffer: 100 mmol/L - L-aspartate: 300 mmol/L - LDH ≥ 900 U/L - MDH ≥ 600 U/L - NADH: 0.4 mmol/L Hóa chất R2: - α-oxoglutarate: 60 mmol/L - NADH: 0.9 mmol/L	ml	876	10,700	9,373,200

Scanned with CamScanner

3	Creatinine	Để xác định định lượng nồng độ creatinine trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro. Phương pháp đo: Sarcosine Oxidase Method Dải tuyến tính:10-7000 µmol/L Thành phần gồm: Hóa chất R1: - CRTase > 40KU/L - Sarcosine Oxidase >7KU/L - Ascorbic acid oxidase 2KU/L - Catalase >100KU/L - ESPMT 0.47mM Hóa chất R2： - Creatininase >400KU/L - Peroxidase >50KU/L - 4-aminoantipyrine 2.95 mmol/L	ml	1,600	34,574	55,318,400
4	Glucose	Để xác định định lượng nồng độ Glu trong huyết thanh và huyết tương trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro Phương pháp: Glucose oxidase-Peroxidase (GOD-POD) method Dải tuyến tính: 0.3-25 mmol/L Thành phần gồm: Hóa chất R1: Phosphate buffer 100 mmol/L Ascorbate oxidase 4700 U/L Glucose oxidase 4000 U/L Hóa chất R2: Phosphate buffer 100 mmol/L Peroxidase 6700 U/L 4-Aminoantipyrine 0.7 mmol/L p-Hydroxybenzoic acid sodium 1.3 mmol/L	ml	456	9,014	4,110,384

Scanned with CamScanner

5	Triglycerides	Để xác định định lượng nồng độ TG trong huyết thanh và huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro Phương pháp đo:GPO-POD Method Dải tuyến tính: 0.1-12.5 mmol/L Thành phần gồm: - Hóa chất R: Phosphate buffer 50 mmol/L 4-Chlorophenol 5 mmol/L ATP 2 mmol/L Mg2+: 4.5 mmol/L Glycerokinase ≥0.4 U/mL Peroxidase ≥0.5 U/mL Lipoprotein lipase ≥1.3 U/mL 4-Aminoantipyrine 0.25 mmol/L Glycerol-3-phosphate-oxidase ≥1.5 U/mL	ml	360	18,022	6,487,920
6	Total Cholesterol	Để xác định định lượng nồng độ TC trong huyết thanh và huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro. Phương pháp đo:CHOD-POD Method Dải tuyến tính: 0.1-20.0 mmol/L Thành phần gồm: - Hóa chất R: Phosphate buffer 100 mmol/L Phenol 5 mmol/L 4-Aminoantipyrine 0.3 mmol/L Cholesterol esterase >150 KU/L Cholesterol oxidase >100 KU/L Peroxidase 5 KU/L	ml	360	8,976	3,231,360

Scanned with CamScanner

7	Urea	Để xác định định lượng nồng độ Urea trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro Phương pháp đo:Urease-GLDH, UV Method Dải tuyến tính:0.9-40.0 mmol/L Thành phần gồm: - Hóa chất R1: Tris buffer 120 mmol/L ADP 750 mmol/L Urease ≥40 KU/L GLDH ≥0.4 KU/L - Hóa chất R2: NADH 1.2 mmol/L α-Oxoglutarate 25 mmol/L	ml	1,332	8,337	11,104,884
8	Chất chứng mức thấp hóa chất sinh hóa	ClinChem Multi Control (level 1) được sử dụng trong kiểm soát chất lượng chất phân tích hóa học thông thường bằng cách giám sát độ chính xác và độ chụm của hệ thống đo Mindray BS và khả năng xét nghiệm của phòng xét nghiệm lâm sàng ClinChem Multi Control (level 1) là chất kiểm soát đông khô dựa trên huyết thanh người	ml	10	225,000	2,250,000
9	Chất chứng mức cao hóa chất sinh hóa	ClinChem Multi Control (level 2) được sử dụng trong kiểm soát chất lượng chất phân tích hóa học thông thường bằng cách giám sát độ chính xác và độ chụm của hệ thống đo Mindray BS và khả năng xét nghiệm của phòng xét nghiệm lâm sàng ClinChem Multi Control (level 2) là chất kiểm soát đông khô dựa trên huyết thanh người	ml	10	225,000	2,250,000
Tổng cộng						**344,859,348**

Scanned with CamScanner